**BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN LỆ THUỶ**

**KHOA DƯỢC**

**THÔNG TIN THUỐC MỚI 2018**

Năm 2018, bộ phận thông tin thuốc thuộc khoa Dược bệnh viện Đa Khoa Huyện Lệ Thuỷ thông tin một số thuốc mới 2018 như sau:

1. **Thuốc có hoạt chất mới 2018:**
2. **ONANDIS 5mg.**

* Thành phần: Thiamazol 5mg.
* Tác dụng: Thiamazole có tác dụng ức chế việc tổng hợp các hormon tuyến giáp nên được dùng điều trị ưu năng tuyến giáp.   
  Thiamazole không có tác dụng với hormon thyroid đưa từ ngoài vào, không có tác dụng ức chế việc giải phóng hormon tuyến giáp.
* Chỉ định: Ðiều trị duy trì trong cường giáp, để chuẩn bị phẫu thuật hay dùng iod phóng xạ.   
  Dự phòng cho cường giáp tiềm tàng, có u giáp tự miễn, hay tiền sử cường giáp trước khi dùng iod.
* Chống chỉ định: Quá mẫn với dẫn xuất thiamazole hay thionamide, suy tủy do dùng carbimazole hay thiamazole.   
  Tương đối: tiền sử dị ứng da với thionamide. Chỉ dùng Thyrozol ngắn ngày khi bướu giáp quá to chèn ép khí quản.
* Thận trọng lúc dùng: Phụ nữ có thai & cho con bú: liều thật thấp 1/2-2 viên. Suy gan: liều thấp. Không dùng khi lái tàu xe & vận hành máy móc.
* Tương tác thuốc: Ðáp ứng với tuyến giáp sẽ tăng khi thiếu iod & giảm đi khi thừa iod.
* Tác dụng phụ: Ðôi khi: đỏ, ngứa da, phát ban. Hiếm khi: sốt, rối loạn vị giác, mất bạch cầu hạt. Cá biệt: đau khớp, vàng da, viêm hạch bạch huyết, sưng tuyến nước bọt, giảm tiểu cầu, viêm mạch & dây thần kinh, lupus.
* Liều lượng: Ðiều trị duy trì trong cường giáp, để chuẩn bị phẫu thuật hay dùng iod phóng xạ 2 viên x 2lần/ngày, bệnh nặng: 4 viên x 2lần/ngày, khi chức năng giáp về bình thường thì giảm liều dần, duy trì 1-4viên/ngày. Ðiều trị xen kẽ sau khi sử dụng iod phóng xạ 1-4viên/ngày x 4-6 tháng. Ðiều trị lâu dài cường giáp khi biện pháp điều trị thông thường không áp dụng được 1/2-2viên/ngày. Dự phòng cho cường giáp tiềm tàng, có u giáp tự miễn, hay tiền sử cường giáp trước khi dùng iod 5-8viên/ngày. Trẻ em: khởi đầu 0,3-0,5mg/kg; duy trì 0,2-0,3mg/kg/ngày.

1. **AGI-CALCI.**

* Thành phần: Calci carbonat: 1250mg; Vitamin D3: 200UI.
* Chỉ định: Bổ sung Calci trong các trường hợp thiếu hoặc tăng nhu cầu Calci: Trẻ em trong thời kỳ tăng trưởng, phụ nữ có thai và cho con bú, người có nguy cơ cao( lớn tuổi, phụ nữ tuổi mãn kinh, điều trị corticoid kéo dài, chấn thương). Phòng và điều trị loãng xương.
* Liều lượng và cách dùng: Uống thuốc buổi sáng và buổi trưa theo liều thông thường như sau:

+ Bổ sung trong trường hợp thiếu hoặc tăng nhu cầu Calci: Trẻ em uống ½ - 1 viên / ngày. Người lớn uống 1 – 2 viên / ngày tuỳ theo nhu cầu.

+ Phòng và điều trị loãng xương: Người lớn uống 1 -2 viên/ ngày có thể tăng liều.

* Chống chỉ định: Tăng Calci huyết, calci niệu, sỏi calci, suy thận. Rối loạn thừa vitamin D, Mẫn cảm với các thành phần của thuốc.

1. **XATRAL XL 10mg**

* Thành phần: Alfuzosin 10mg.
* Chỉ định: Điều trị triệu chứng của bướu lành tiền liệt tuyến.
* Chống chỉ định: Mẫn cảm với Alfuzosin, bệnh nhân suy gan.
* Tương tác thuốc: Các thuốc hạ áp, nitrates.
* Tác dụng phụ: Đau nhức, chóng mặt, nhức đầu, buồn nôn, đau vùng bụng, suy nhược.
* Chú ý đề phòng: Bệnh nhân nhạy cảm với thuốc chẹn alpha-1. Nếu có thiểu năng vành thì vẫn tiếp tục điều trị. Nếu bị đau thắt ngực tái phát trở lại hoặc xấu đi thì nên ngừng điều trị. Hạ huyết áp tư thế có thể xảy ra thoáng qua khi bắt đầu điều trị có kết hợp với thuốc hạ áp khác; nên có thể gây ảnh hưởng trên việc vận hành máy hay tàu xe.
* Liều lượng- cách dùng: Liều khuyến cáo 10 mg ngày 1 lần sau bữa ăn tối, nên nuốt cả viên.

1. **BENZOSALI.**

**- Thành phần:** Acid benzoic 0.6g + Acid Salicylic 0.3g/ 10g.

**-** Chỉ định: + Các bệnh năm da, nấm kẽ, lang ben, nấm tóc.

+ Viêm da tiết bã nhờn, vẩy nến ở mình hoặc da đầu, vảy da đầu và các trường hợp bệnh da tróc vảy khác.

+ chứng tăng sừng khu trú ở gan bàn chân và bàn tay.

- Liều lượng- cách dùng: Bôi một lớp mỡ mỏng vào vùng da bị bệnh, ngày bôi 1- 2 lần. Có thể dùng phối hợp với ASA hoặc BSI.

- Chống chỉ định: Mẫn cảm với thành phần của thuốc.

1. **Thuốc biệt dược mới:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên thuốc** | **Tên hoạt chất** | **Nồng độ, hàm lượng** | **Đơn vị tính** | **Ghi chú** |
| 1 | **Fenilham** | Fentanyl | 0,1mg/ 2ml | Ống |  |
| 2 | **Quibay** | Piracetam | 1g/ 5ml | Ống |  |
| 3 | **Taximmed** | Cefotaxim | 1g | Lọ |  |
| 4 | **Aleucin** | Acetyl leucin | 50mg | Viên |  |
| 5 | **Parocotin** | Methocarbamol+ Paracetamol | 400mg+ 325mg | Viên |  |
| 6 | **Trimafort** | Magnesi hydroxid+ Nhôm hydroxid+ Simethicon | 800,4mg+ 400mg+ 80mg trong gói hổn dịch 10ml | Gói |  |

*Lệ Thuỷ, ngày 17 tháng 05 năm 2018*

**Người thông tin**

***Ds. Phan Thanh Hải***